

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-PT
Ngày: 28-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Văn K**, tên gọi khác: H, sinh ngày 01/12/1995 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T1, tỉnh Long An; tạm trú: Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (Chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; có vợ tên Lê Thị K (đã ly hôn); có 02 con sinh năm 2013 và 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến ngày 06/11/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

Ngoài ra, còn có 01 bị cáo khác là Huỳnh Văn L không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Bị hại:

1. Ông PH2 Văn Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp V, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Tuấn V1; sinh ngày 28/5/2006. Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị K2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Mẹ của V1).

2. Ông Lê Minh D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T1, tỉnh Long An.

3. Ông Trần Chí H2, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp 1, xã L2, huyện T1, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp H3, xã V2, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Nguyễn Thành L3, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp T3, xã P2, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K và Huỳnh Văn L không có nghề nghiệp ổn định, có đến thuê phòng trọ tại nhà trọ thuộc Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để ở, phòng trọ của K ở cạnh phòng trọ của L. Do K có đi chở các cây trầm bông vàng loại cây bao bì (te) thuê, biết được ở các bãi cây có để các cây trầm bông vàng không có người trông coi nên nảy sinh ý định đi lấy trộm để bán kiếm tiền tiêu xài, K rủ L đi trộm, L đồng ý. Khoảng 21 giờ ngày 16/3/2021, K rủ L đi trộm cây trầm bông vàng lúc này có Nguyễn Tuấn V1, sinh ngày 28/5/2006 ở đó nên xin theo, K điều khiển xe mô tô 3 bánh biển số 60Y2 – 1387, K thuê xe của Lê Minh D, xe trên do anh D mua lại xe cũ nhưng không làm thủ tục sang tên. K chở L và V1 đến bãi để cây tại Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của bà Trần Thị M1 để lấy trộm các đoạn cây trầm bông vàng. K và L lấy các cây gỗ trầm bông vàng chất đầy xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387, còn V1 đứng rọi đèn canh giữ, sau đó chở đến đến cơ sở N2 do Trần Chí H2 làm chủ để bán được 1.300 kg lấy số tiền 1.630.000 đồng. K chia cho L 700.000 đồng, K 700.000 đồng, V1 230.000 đồng rồi đi về nhà trọ. Khoảng 30 phút sau khi về nhà trọ, K tiếp tục rủ L đi trộm, K chạy xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 đến bãi để cây cặp Quốc lộ X thuộc Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của ông Phùng Văn Q còn L chạy xe mô tô biển số 71S6 – 2942 mượn của anh Nguyễn Văn T2 đến sau, cả 2 lần lượt chất các đoạn gỗ trầm bông vàng lên xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 rồi chạy về nhà trọ, thấy ít nên K mượn xe 62F1 – 027.42 của Nguyễn Thành L3, L đến bãi cây của bà Trần Thị M1 lấy trộm 04 đoạn gỗ trầm bông vàng khoảng 120 kg đem về chất lên xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387. Đến khoảng 4 giờ ngày 17/3/2021, K một mình điều khiển xe mô tô 3 bánh 60Y2 –

1387 đến cơ sở N2 bán được 860 kg, lấy số tiền 1.100.000 đồng, K cất giữ chưa chia cho L. Sau khi phát hiện bị mất các đoạn gỗ tràm bông vàng, ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M1 đến trình báo cơ quan Công an. Tại cơ quan Công an Nguyễn Văn K, Huỳnh Văn L và Nguyễn Tuấn V1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, Nguyễn Văn K, Huỳnh Văn L còn khai nhận vào ngày 09/3/2021, K điều khiển xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 chở L đến bãi để cây cặp Quốc lộ X thuộc Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của ông Phùng Văn Q lấy trộm các cây tràm bông vàng chất lên xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 chở đến cơ sở N2 bán, cân được 1.120 kg bán được 1.456.000 đồng, K chia cho L 650.000 đồng, phần còn lại K giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL.HĐĐGTS ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định 1.300 kg tràm bông vàng loại bao bì (te), kích thước 0.8-1.4m, đường kính 10,0cm trị giá 1.690.000 đồng; 860 kg tràm bông vàng loại bao bì (te) kích thước dài 1.4m, đường kính 10,0cm trị giá 1.118.000 đồng, tổng cộng 2.808.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL.HĐĐGTS ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định 1.120 kg tràm bông vàng loại bao bì (te) trị giá 1.456.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 50 đoạn cây gỗ tràm bông vàng có kích thước dài 1,4m, đường kính trên 10cm, 29 đoạn cây gỗ tràm bông vàng có kích thước dài 1m, đường kính trên 10 cm. Đây là số tràm bông vàng mà K, L đã bán vào đêm 16/3/2021 và rạng sáng ngày 17/3/2021 cho Trần Chí H2. Ông H2 tự nguyện giao nộp lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại số cây tràm bông vàng trên cho ông Q và bà M1.

- Số tiền 2.730.000 đồng, đây là số tiền bán tràm L và K đã giao nộp lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Trần Chí H2.

Ngoài ra còn thu giữ 01 áo thun ngắn tay sọc dọc đỏ, xanh phía sau áo có in số 45. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K.

Đối với xe mô tô biển số 71S6 – 2942 của Nguyễn Văn T2 và xe mô tô 62F1 – 027.42 của Nguyễn Thành L3, do T2 và L3 không biết được việc K và L mượn xe mô tô để đi trộm cắp T2 sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phùng Văn Q và Trần Thị M1 đã nhận lại số tràm bị mất trộm vào đêm 16/3/2021 và sáng ngày 17/3/2021 nên không có yêu cầu gì khác. Đồng thời bị cáo Nguyễn Văn K cũng đã bồi thường cho ông Phùng Văn Q số tiền 1.456.000 đồng, đây là số tiền bán tràm bông vàng mà K và L đã lấy trộm của ông Q vào ngày 09/3/2021.

Đối với Trần Chí H2 chủ cơ sở N2 đã nhận lại số tiền mua trâm bông vàng 2.730.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 50; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106, Điều 260, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo K 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 50; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 106, Điều 260, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 29/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nguyễn Văn K thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan. Do hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, hiện tại bị cáo có vợ và vợ mới sinh con, nên bị cáo là lao

động chính trong gia đình. Bị cáo kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn K tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo K về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo K thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị cáo K được các bị hại bãi nại, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, vợ mới sinh con, là lao động chính trong gia đình. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo có vai trò khởi xướng, rõ ràng người khác phạm tội, nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T về hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Do cần tiền

để tiêu xài, K là người làm công cho ông Q và bà M1 rủ L thực hiện 02 lần trộm cắp. Lần 1: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 16/3/2021, bị cáo K cùng bị cáo L đi trộm cây trầm bông vàng lúc này có Nguyễn Tuấn V1, sinh ngày 28/5/2006 xin đi theo để lấy trộm các đoạn cây trầm bông vàng. K và L lấy các cây gỗ trầm bông vàng chất đầy xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387, còn V1 đứng rọi đèn canh giữ, sau đó chở đến cơ sở N2 do ông Trần Chí H2 để bán được 1.300 kg lấy số tiền 1.630.000 đồng. K chia cho L 700.000 đồng, K 700.000 đồng, V1 230.000 đồng rồi đi về nhà trọ. Lần 2: Khoảng 30 phút sau khi về nhà trọ, K tiếp tục rủ L đi trộm, K chạy xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 đến bãi để cây của ông Phùng Văn Q, còn L chạy xe mô tô biển số 71S6 – 2942 đến sau, cả 2 lần lượt chất các đoạn gỗ trầm bông vàng lên xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 chạy về nhà trọ, thấy ít K mượn xe 62F1 – 027.42 chở L đến bãi cây của bà Trần Thị M1 lấy trộm 04 đoạn gỗ trầm bông vàng khoảng 120 kg đem về chất lên xe mô tô 3 bánh. Đến khoảng 4 giờ ngày 17/3/2021, K một mình điều khiển xe mô tô 3 bánh đến cơ sở N2 bán được 860 kg, lấy số tiền 1.100.000 đồng, K cất giữ chưa chia cho L. Sau khi phát hiện bị mất các đoạn gỗ trầm bông vàng, ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M1 đến trình báo cơ quan Công an. Tổng giá trị T2 sản bị cáo K và bị cáo L trộm vào đêm 16/03/2021 và rạng sáng ngày 17/3/2021 là 2.080.000đ. Ngoài ra trong quá trình điều tra bị cáo K và bị cáo L còn khai nhận vào ngày 09/3/2021, K điều khiển xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 chở L đến bãi để cây cặp Quốc lộ X thuộc Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của ông Phùng Văn Q lấy trộm các cây trầm bông vàng chất lên xe mô tô 3 bánh 60Y2 – 1387 chở đến cơ sở N2 bán, cân được 1.120 kg bán được 1.456.000 đồng, K chia cho L 650.000 đồng, phần còn lại K giữ. Trong lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này không đủ định L để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Công an đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo K và bị cáo L. Hành vi của bị cáo K và bị cáo L là hành vi “lét lút chiếm đoạt tài sản của người khác” bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn theo Điều 17, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, không có sự phân công cấu kết chặt chẽ, trong đó bị cáo K là người khởi xướng và cùng bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Văn K và Huỳnh Văn L với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo K thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị cáo K được các bị hại bãi nại, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật

bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo có trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm vợ của bị cáo mới sinh con, nên bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L cùng bị cáo trộm cắp tài sản của người khác, nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự, mà phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mới có khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, bị cáo yêu cầu được hưởng án treo là không có căn cứ, cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn K như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn K,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 50; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo K 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người TGTTC;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng